

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

1  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 9 – 2017  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hiền.

1. Ông Lê Quốc Thới.
2. Ông Nguyễn Quốc Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và các lời khai tại Tòa án, anh Võ Văn T (nguyên đơn) trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh và chị Đ thành hôn vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Thanh Đ1, sinh ngày 02/8/2000 và Võ Văn T, sinh ngày 28/8/2002, hiện tại cháu Võ Văn T đang sống với anh, cháu Võ

Thanh Đ1 đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Võ Văn T và giao cháu Võ Thanh Đ1 cho chị Đ nuôi. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về T sản chung; nợ thu, nợ trả:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Đ (bị đơn) trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Thanh Đ1, sinh ngày 02/8/2000 và Võ Văn T, sinh ngày 28/8/2002, hiện tại cháu Võ Văn T đang sống với anh T, cháu Võ Thanh Đ1 đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Võ Thanh Đ1 và giao cháu Võ Văn T cho anh T nuôi. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về T sản chung; nợ thu, nợ trả:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn, chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin vắng mặt đề ngày 25/8/2017.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng:* Do điều kiện đi lại khó khăn, chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Anh T và chị Đ thành hôn vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Mặc dù anh, chị thuận tình ly hôn nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh T và chị Đ là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh, chị thống nhất có 02 con chung tên Võ Thanh Đ1, sinh ngày 02/8/2000 và Võ Văn T, sinh ngày 28/8/2002. Sau khi ly hôn anh, chị thống nhất anh T nuôi cháu Võ Văn T và giao cháu Võ Thanh Đ1 cho chị Đ nuôi. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Thanh Đ1 theo biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017 cháu Đ1 có nguyện vọng sống với chị Đ và cháu T có nguyện vọng sống với anh T theo biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Võ Văn T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Võ Thanh Đ1 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T và chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về T sản chung; nợ thu, nợ trả:* Anh T và chị Đ thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] *Về hôn nhân:* Không công nhận anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Đ là vợ chồng.

[2] *Về con chung:*

Giao cho anh Võ Văn T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Võ Văn T, sinh ngày 28/8/2002 và chị Nguyễn Thị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Giao cho chị Nguyễn Thị Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Võ Thanh Đ1, sinh ngày 02/8/2000 và anh Võ Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003550 ngày 23/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh Võ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh chị Nguyễn Thị Đ là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thanh Hiền**